

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1622/TTr-STNMT ngày 03 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp tại Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 07/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đối với việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Mức chi: Tại phụ lục kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS (55b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



QUY ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm Quyết định số 58 /2020/QĐ-UBND ngày 16 /12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.000	
1.2	Lập dự án	dự án	4.000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
	- Nhiệm vụ		5.000	
	- Dự án		10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400		
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
	Người chủ trì	người/buổi hội thảo	500	
	Thư ký hội thảo	người/buổi hội thảo	300	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi hội thảo	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
8.1	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
8.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004	
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
10	Chi giải thưởng môi trường:			
	- Tổ chức		3.000 - 10.000	<i>Áp dụng theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP</i>
	- Cá nhân		1.000- 6.000	

